

KẾ HOẠCH

**Triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng
thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn
do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hoá các nội dung, chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg nhằm chia sẻ khó khăn, bảo đảm cuộc sống của người dân, người lao động, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, ... trên địa bàn tỉnh góp phần ổn định an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong việc tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ cá nhân, đơn vị gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Việc triển khai thực hiện phải bám sát các nội dung của Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng, hướng dẫn các Bộ, Ngành Trung ương; phù hợp với chức năng, thẩm quyền và điều kiện thực tế của địa phương; phải bảo đảm sự thống nhất toàn hệ thống; sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương.

II. NGUYÊN TẮC

Hỗ trợ đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu do ảnh hưởng của dịch Covid-19; hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch bệnh.

Các Sở, ban, ngành có liên quan và chính quyền địa phương có trách nhiệm xác định đúng đối tượng hỗ trợ. Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội cùng chia sẻ trong việc hỗ trợ người đang khó khăn đảm bảo được cuộc sống trong thời gian có dịch bệnh.

Đối tượng hỗ trợ thuộc diện được hưởng từ 02 chính sách trở lên tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

Mốc thời gian thống kê các nhóm đối tượng, đối tượng được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng được tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

III. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN HỖ TRỢ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên do các doanh nghiệp gặp khó khăn bởi đại dịch Covid-19, không có doanh thu hoặc không có nguồn tài chính để trả lương thì được hỗ trợ với mức 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng (*).

b) Người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính và đã trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo Khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 thì được vay vốn không có tài sản đảm bảo tối đa 50% tiền lương tối thiểu vùng đối với từng người lao động theo thời gian trả lương thực tế nhưng không quá 03 tháng với lãi suất 0%, thời hạn vay tối đa 12 tháng tại Ngân hàng Chính sách xã hội để trả phần lương còn lại và giải ngân trực tiếp hàng tháng đến người bị ngừng việc¹.

c) Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng không quá 3 tháng (*).

d) Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 (*).

¹ Ngân hàng Nhà nước chủ trì, hướng dẫn và cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

* Dự kiến: có 20.000 lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; 10.000 lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; 38.000 lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm; 3.000 hộ kinh doanh cá thể tạm ngừng kinh doanh.

đ) Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 03 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần².

e) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần³.

g) Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hỗ trợ 250.000 đồng/khẩu/tháng. Thời gian áp dụng là 03 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần⁴.

2. Nội dung hỗ trợ khác

a) Người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 50% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên so với thời điểm cơ quan có thẩm quyền công bố dịch (*kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương*) thì người lao động và người sử dụng lao động được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất tối đa không quá 12 tháng.

b) Cho phép người lao động được gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp qua đường bưu điện, thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng được thực hiện dưới hình thức gián tiếp (*gửi thư điện tử, fax, qua đường bưu điện, ...*) trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến khi công bố hết dịch mà không phải xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc xảy ra dịch bệnh trên địa bàn.

3. Thời gian hỗ trợ:

Các nội dung thực hiện hỗ trợ tại Kế hoạch này được áp dụng từ ngày 01 tháng 4 năm 2020, trong đó:

- Đối với các nội dung hỗ trợ tại Điểm đ, e và g Khoản 1, Mục III khẩn trương triển khai, thực hiện ngay đầu tháng 5/2020.

- Đối với các nội dung hỗ trợ còn lại được thực hiện theo thời gian thực tế ảnh hưởng và tổ chức triển khai ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng tinh thần Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng

² Tháng 4/2020 là 7.428 người.

³ Tính đến tháng 4/2020, tổng số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng 75.278 người (không tính đối tượng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng là 7.638 người).

⁴ Tính đến ngày 31/12/2019 số nhân khẩu là 164.000 người.

Chính phủ trên địa bàn tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì tổng hợp đề xuất UBND xem xét giải quyết theo thẩm quyền, nếu vượt thẩm quyền của tỉnh thì tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định; theo đó cần quan tâm:

- Hướng dẫn các địa phương triển khai rà soát, tổng hợp danh sách các nhóm đối tượng, đối tượng thuộc diện được hỗ trợ đúng theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; thực hiện thống nhất việc hỗ trợ theo quy định; đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch.

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các địa phương tổ chức thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, kịp thời, đầy đủ, không để xảy ra sai sót, tiêu cực; bảo đảm yêu cầu an toàn về phòng, chống dịch COVID-19; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các địa phương lập danh sách trong tháng 4/2020, tổ chức thực hiện trong đầu tháng 5/2020 đối với các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo, hộ cận nghèo; các đối tượng còn lại thời gian hỗ trợ hàng tháng theo đề nghị của đối tượng và thẩm định, báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 18 hàng tháng** về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; giải quyết theo thẩm quyền và đồng thời, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách quy định của Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg. Đồng thời tham mưu UBND tỉnh có văn bản kiến nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung kinh phí cho địa phương để đảm bảo việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg đúng thời gian quy định (*theo Biểu dự toán kinh phí đính kèm*).

- Hướng dẫn các địa phương và các cơ quan có liên quan việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán ngân sách nhà nước của các đơn vị theo đúng quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì và chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng nội dung, chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh kịp thời tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về các nội dung chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg để người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh các cơ quan liên quan hướng dẫn và cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh An Giang để hỗ trợ cho người sử dụng lao động vay trả lương cho người lao động theo điểm 2 mục II Nghị quyết 42/NQ-CP; hỗ trợ, hướng dẫn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đảm bảo thực hiện cơ chế quản lý tài chính, xử lý rủi ro đối với việc triển khai các chính sách hỗ trợ theo tinh thần Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg theo quy định.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh An Giang

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn các thủ tục về cho vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động theo quy định; thẩm định hồ sơ vay vốn của người sử dụng lao động; tổ chức kiểm tra, giám sát việc lập hồ sơ và thực hiện chi trả tiền lương ngừng việc đối với người lao động bảo đảm đúng quy định.

Chủ động phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang đảm bảo nguồn vốn thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Tổng hợp báo cáo tình hình cho vay **trước ngày 12 hàng tháng** gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan xác định, thẩm định và phê duyệt danh sách các doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch Covid-19 trong việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất để triển khai thực hiện; bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

Tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết số doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch Covid-19 trong việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất **trước ngày 12 hàng tháng** gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

7. Cục Thuế tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan hướng dẫn, rà soát, tổng hợp danh sách Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện; chỉ đạo Chi cục Thuế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh:

Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp danh sách người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều

kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Thành lập Ban giám sát các cấp để giám sát quá trình thực hiện các chính sách, đảm bảo việc thực hiện được công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

Chỉ đạo Ban vận động, tiếp nhận và phân phối Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 và hạn hán tỉnh An Giang về phân phối, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo phát sinh từ sau ngày 31/12/2019 đến ngày 31/3/2020; đồng thời phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội huy động các thành phần xã hội cùng chung tay chăm lo các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng lao động, làm thuê thời vụ khó khăn, để không ai bị bỏ lại phía sau. *(Các trường hợp này do địa phương lập danh sách với sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc).*

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng tại địa phương theo kết quả phê duyệt của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thống kê, rà soát, nắm bắt cụ thể từng nhóm đối tượng, từng đối tượng thuộc diện được hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; báo cáo số liệu và tổng hợp danh sách các đối tượng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hướng dẫn doanh nghiệp về quy trình, thủ tục, trình tự, hồ sơ để được tiếp cận các khoản hỗ trợ kịp thời. Rà soát, lập danh sách các đối tượng phát sinh hộ nghèo, cận nghèo từ ngày 31/12/2019 đến 31/03/2020 báo cáo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Thực hiện hỗ trợ đúng, đầy đủ, kịp thời việc hỗ trợ các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ, không bỏ sót đối tượng, không trùng đối tượng, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

Báo cáo tình hình, kết quả hỗ trợ các đối tượng về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **định kỳ ngày 12 hàng tháng** (hoặc đột xuất khi cần thiết) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương để hỗ trợ các đối tượng trên địa bàn theo quy định. Trường hợp có khó khăn về nguồn ngân sách thì báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch, nhất là công tác thẩm định danh sách các đối tượng, không để xảy ra sai sót, trùng lặp.

11. Các Sở, ban, ngành và địa phương tập trung quán triệt, chỉ đạo cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ nêu trên; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp trước, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TRÙ KINH PHÍ
HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19
(ban hành kèm theo Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020)

STT	Nhóm đối tượng	Định mức hỗ trợ (1.000 đồng)	Thời gian (tháng)	Số đối tượng		Kinh phí (1.000 đồng)
				Số lượng	Đơn vị tính	
A	B	1	2	3	4	5
A	Nhóm đối tượng hỗ trợ 1 lần (3 tháng) dự kiến hỗ trợ ngay đầu tháng 5/2020					247.059.000
1	Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	500	03	7.428	đối tượng	11.142.000
2	Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	500	03	75.278	đối tượng	112.917.000
3	Hộ nghèo, hộ cận nghèo (đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)	250	03	164.000	khẩu	123.000.000
B	Nhóm đối tượng hỗ trợ theo thời gian thực tế (hỗ trợ hàng tháng) (Số liệu được ước tính từ số liệu thống kê lao động của Cục Thống kê tỉnh)					261.000.000
1	Lao động bị tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ không lương tại các doanh nghiệp	1.800	03	20.000	lao động	108.000.000
2	Lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; lao động không có giao kết hợp đồng lao động, mất việc làm					144.000.000
-	Lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.000	03	10.000	lao động	30.000.000
-	Lao động không có giao kết hợp đồng lao động, mất việc làm *	1.000	03	38.000	lao động	114.000.000
3	Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh theo Chỉ thị số 15/CT-TTg	1.000	03	3.000	hộ	9.000.000
	Tổng cộng					508.059.000
	Bằng chữ: Năm trăm lẻ tám tỷ, không trăm năm mươi chín triệu đồng					

- Nguồn thực hiện: Dự kiến ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% (254.029.500.000 đồng) và ngân sách địa phương 50% (254.029.500.000 đồng).

- Kinh phí hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương cho người lao động: do Ngân hàng Nhà nước chủ trì, hướng dẫn và cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn các đơn vị rà soát thống kê số liệu Nhóm đối tượng hỗ trợ theo thời gian thực tế tại Mục B của Phụ lục này theo quy định; kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, minh bạch của số liệu.

- **Ghi chú:** (*)

I. Theo số liệu Thống kê tỉnh: Số lao động làm việc với các nghề giản đơn là 308.944 người.

II. Theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng, lao động làm việc trong những công việc sau:

1. Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;
 2. Thu gom rác; phế liệu;
 3. Bóc vác, vận chuyển hàng hóa;
 4. Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách;
 5. Bán lẻ xô số lưu động;
 6. Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe.
-

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TRÙ KINH PHÍ
HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
 (Nhóm đối tượng hỗ trợ 01 lần (03 tháng) dự kiến hỗ trợ ngay từ đầu tháng 05/2020)
 (ban hành kèm theo Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 04/5/2020)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Nhóm người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng			Nhóm đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng được hỗ trợ do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19			Nhóm đối tượng thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo được hỗ trợ bởi ảnh hưởng dịch COVID-19			Tổng số đối tượng	Tổng số tiền hỗ trợ
		Tổng số (đối tượng)	Trong đó		Tổng số (đối tượng)	Trong đó		Tổng số (nhân khẩu)	Trong đó			
			Định mức hỗ trợ (500 đồng/người/tháng x 3 tháng= 1.500.000 đồng)	Kinh phí hỗ trợ COVID-19		Định mức hỗ trợ (500 đồng/người/tháng x 3 tháng= 1.500.000 đồng)	Kinh phí hỗ trợ COVID-19		Định mức hỗ trợ (250 đồng/người/tháng x 3 tháng= 750.000 đồng)	Kinh phí hỗ trợ COVID-19		
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10=1+4+7	11=3+6+9
1	TP. Long Xuyên	891	1.500	1.336.500	6.864	1.500	10.296.000	7.367	750	5.525.250	15.122	17.157.750
2	TP. Châu Đốc	484	1.500	726.000	3.880	1.500	5.820.000	1.473	750	1.104.750	5.837	7.650.750
3	Huyện An Phú	1.053	1.500	1.579.500	7.206	1.500	10.809.000	25.756	750	19.317.000	34.015	31.705.500
4	TX. Tân Châu	852	1.500	1.278.000	7.834	1.500	11.751.000	17.503	750	13.127.250	26.189	26.156.250
5	Huyện Phú Tân	437	1.500	655.500	7.400	1.500	11.100.000	15.312	750	11.484.000	23.149	23.239.500
6	Huyện Châu Phú	501	1.500	751.500	9.306	1.500	13.959.000	18.090	750	13.567.500	27.897	28.278.000
7	Huyện Tịnh Biên	788	1.500	1.182.000	4.571	1.500	6.856.500	9.777	750	7.332.750	15.136	15.371.250
8	Huyện Tri Tôn	863	1.500	1.294.500	4.853	1.500	7.279.500	25.202	750	18.901.500	30.918	27.475.500
9	Huyện Châu Thành	334	1.500	501.000	6.028	1.500	9.042.000	13.959	750	10.469.250	20.321	20.012.250
10	Huyện Chợ Mới	774	1.500	1.161.000	11.769	1.500	17.653.500	12.464	750	9.348.000	25.007	28.162.500
11	Huyện Thoại Sơn	451	1.500	676.500	5.567	1.500	8.350.500	17.097	750	12.822.750	23.115	21.849.750
	TỔNG SỐ	7.428	1.500	11.142.000	75.278	1.500	112.917.000	164.000	750	123.000.000	246.706	247.059.000

Ghi chú:

- Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng **75.278** người .
- Số liệu người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo có thể thay đổi.